

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC MÊ
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2020/DS-ST

Ngày 23 -12-2020

V/v Chia di sản thừa kế, chia tài sản
chung yêu cầu trả giấy CNQSD đất
và trả sổ BHXH.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC MÊ - TỈNH HÀ GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Văn Công.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Thư.

Bà Dương Thị Ngọc Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Thiều Thị Minh Huyền - Thư ký viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Bàn Thị Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 03/2020/TLST-DS ngày 28/5/2020 về việc Tranh chấp chia di sản thừa kế, chia tài sản chung, yêu cầu trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả sổ BHXH theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Dương Thị Thu H; sinh năm 1978; nơi làm việc: Trường mầm non Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn P thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Ông Cao Xuân B - Trưởng văn phòng Luật sư Cao Xuân B; địa chỉ: Tổ 1 phường T, thành phố H, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

2. Bị đơn: Bà Mai Thúy N; sinh năm 1972; nơi đăng ký HKTT: Thôn Đ, xã Y, huyện B, tỉnh Hà Giang.

Chỗ ở hiện nay: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

- Chị: Lê Mỹ H; sinh năm 1987; nơi làm việc: Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Số nhà 06 tổ 4, thị trấn V, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Anh: Lê Việt H; sinh ngày 02/01/2002; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

- Cháu: Lê Thị Hương L; sinh ngày 12/9/2010; nơi cư trú: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Vắng mặt).

Người đại diện theo pháp luật người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của cháu Lê Thị Hương L: Bà Dương Thị Thu H (là mẹ đẻ); nơi cư trú: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020, đơn yêu cầu bổ sung và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Dương Thị Thu H trình bày:

Bà Dương Thị Thu H và ông Lê Công L kết hôn với nhau từ năm 2001, đến năm 2017 bà ly hôn với ông L theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 08/2017/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện B, khi ly hôn toàn bộ tài sản không yêu cầu Tòa án phân chia khối tài sản chung và 03 mẹ con thuê nhà ở riêng từ đó đến nay. Ông Lê Công L tạm thời sinh sống ở ngôi nhà xây dựng trên thửa đất, sau đó ông L lấy vợ cuối năm 2018 đón bà Mai Thúy N về sinh sống, không may đến ngày 21/02/2019 ông Lê Công L đột ngột qua đời không để lại di chúc.

Tài sản chung cùng ông L do vợ chồng tạo lập gồm: 01 ngôi nhà xây cấp IV, xây tháng 3/2013 xây dựng không có giấy phép trên thửa đất số 20; tờ bản đồ số 245; diện tích 106,2m²; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 906026 do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 cho ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H. Giá trị nhà và đất 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); thiết bị tài sản trong nhà 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) gồm: 01 Máy điều hòa nhiệt độ hai chiều màu trắng mua năm 2008 giá 15.000.000đ, nhãn hiệu LG công suất 9.000BTU trị giá khoảng 1.500.000đ; 01 Bình nóng lạnh mua năm 2016 là 3.000.000đ loại 30 lít trị giá 1.000.000đ; 01 Ti vi SONY mua năm 2016 là 10.000.000đ màu đen, màn hình phẳng 42 Inch trị giá khoảng 7.000.000đ; 01 Tủ lạnh đứng nhãn hiệu LG, loại 130 lít mua năm 2002 là 3.200.000đ trị giá khoảng 400.000đ; 01 Máy phát điện mua năm 2009 là 3.000.000đ màu xanh do nước nào sản xuất loại và công suất của máy phát điện bao nhiêu KW không biết trị giá khoảng 1.000.000đ; 01 Bếp ga mua năm 2008 là 1.600.000đ màu đen, nhãn hiệu do nước nào sản xuất không biết trị giá khoảng 500.000đ; 01 bộ bàn ghế mua năm 2016 trị giá khoảng 2.600.000đ; 01 máy giặt VQUA, 08kg mua năm 2017 trị giá 4.000.000đ; 01 bình lọc nước TÀNÁ mua năm 2017 trị giá 2.000.000đ. Tổng cộng giá trị tài sản chung của vợ chồng chưa chia là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng chẵn).

Ngoài ra khi ông Lê Công L chung sống với bà Mai Thúy N khi chết ngày 21/02/2019 tài khoản tiền lương tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện B, số tài khoản 8210215022792 số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng). Hiện nay bà Mai Thúy N giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H; đối với sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L số 1000001339 bà N giữ nên các con tôi không làm thủ tục hoàn tất hồ sơ cho Cơ quan bảo hiểm xã hội tỉnh Hà Giang chi trả chế độ tuất cho hai cháu Lê Việt H, sinh ngày 02/01/2002 và Lê Thị Hương L, sinh ngày 12/9/2010.

Toàn bộ khối tài sản chung của bà Dương Thị Thu H với ông Lê Công L hiện nay bà Mai Thúy N là vợ thứ 3 của ông Lê Công L quản lý.

- Ông Lê Công L khi còn sống lấy 03 vợ: vợ thứ nhất có 01 con Lê Mỹ H; vợ thứ hai Dương Thị Thu H có 02 con Lê Việt H và Lê Thị Hương L; vợ thứ ba Mai Thúy N không có con chung. Bố đẻ ông Lê Công L là Lê Công H (chết năm 1987) và bà Đặng Thị N (chết năm 2002). Ngoài ra ông Lê Công L không có con nuôi nào khác, không có bố mẹ nuôi hợp pháp.

Quá trình tố tụng tại phiên tòa bà Dương Thị Thu H yêu cầu theo định giá tài sản chung là 275.750.000đ và cộng thêm 1.000.000đ tiền máy phát điện bà N bán, tổng cộng tài sản giữa ông L và bà H 276.750.000đ; nay phân chia khối tài sản chung của bà H với ông L, mỗi người được hưởng $\frac{1}{2}$ khối tài sản là 138.375.000đ. Bà H có nguyện vọng nhận toàn bộ phần tài sản là hiện vật, nhà gắn liền với đất thổ cư và yêu cầu bà Mai Thúy N trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Dương Thị Thu H và Lê Công L. Số tiền còn lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản 138.375.000đ có trách nhiệm thanh toán giá trị cho những người đồng thừa kế theo pháp luật và yêu cầu bà Mai Thúy N trả sổ bảo hiểm xã hội của ông L số 1000001339 để hoàn tất hồ sơ cho Cơ quan BHXH tỉnh Hà Giang chi trả chế độ tuất cho hai cháu Lê Việt H và Lê Thị Hương L; về chi phí định giá tài sản tự nguyện chịu phần của chị H, anh H và cháu L.

Theo bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án bị đơn bà Mai Thúy N trình bày: Khoảng tháng 10/2017 bà và ông Lê Công L quen nhau, ông L tâm sự vừa bỏ vợ ốm đau tôi chăm sóc đến tháng 3/2018 tôi chuyển về ở hẳn với ông L cho đến ngày 15/11/2018 bà với ông L đăng ký kết hôn và cùng nhau sinh sống tại ngôi nhà xây cấp IV liền đất thổ cư hiện tại đang ở và tài sản đồ đạc trong nhà có sẵn như nguyên đơn bà Dương Thị Thu H đã trình bày; địa chỉ, thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang không có khai báo tạm trú tạm vắng với Công an thị trấn Y, huyện B. Trong quá trình chung sống với ông L không tôn tạo làm thêm gì để tăng giá trị tài sản, khi về ở với ông L có nguyên tài sản như đã định giá tài sản của ông L với bà H tổng giá trị là 276.750.000đ. Ngoài ra trước khi ông L chết có tiền lương tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Giang số tài khoản 8210215022792 số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) hiện nay bà đã rút hết và thừa nhận hiện nay đang giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên Dương Thị Thu H và Lê Công L và sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L số 1000001339.

Tại phiên tòa đề nghị được quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản là hiện vật để thờ cúng ông L, sau đó trừ đi số kỷ phần thừa kế được hưởng bà thanh toán bằng tiền cho bà Dương Thị Thu H và các đồng thừa kế Lê Mỹ H; Lê Việt H; Lê Thị Hương L. Đối với sổ BHXH của ông Lê Công L và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H không đồng ý trả cho bà Dương Thị Thu H; Lê Việt H và Lê Thị Hương L; về chi phí định giá tài sản không nhất chí trả vì bà H khởi kiện phải chịu hết. Ngoài ra không yêu cầu gì thêm.

Theo bản tự khai và trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày: Lời trình bày của chị Lê Mỹ H; anh Lê Việt H; Lê Thị Hương L khớp với lời trình bày của bà Dương Thị Thu H về

nguồn gốc tài sản 01 ngôi nhà xây cấp IV gắn liền đất thổ cư và tài khoản tiền lương tại Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Giang số tài khoản 8210215022792 số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu đồng) của ông Lê Công L, hiện nay bà Dương Thị Thu H khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế; chia tài sản chung trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 cho ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H.

Tại phiên tòa chị Lê Mỹ H yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế của bố đẻ ông Lê Công L trước khi chết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa anh Lê Việt H và bà H đại diện cháu Lê Thị Hương L yêu cầu được hưởng phần di sản thừa kế của bố đẻ ông Lê Công L khi chết theo quy định của pháp luật và yêu cầu trả sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L số 1000001339 để hoàn tất hồ sơ cho Cơ quan BHXH huyện B, tỉnh Hà Giang chi trả chế độ tuất Lê Việt H và Lê Thị Hương L theo quy định của pháp luật.

- *Chi phí đám tang sổ ghi tang thu, chi:* Các bên đương sự thừa nhận tổng thu từ khoản tiền phúng viếng 79.000.000đ (bảy mươi chín triệu đồng), trừ đi chi phí hỏa táng và các khoản là 69.000.000đ (sáu mươi chín triệu đồng), còn thừa 10.000.000đ (mười triệu đồng), bà Mai Thúy N giữ số tiền là 5.000.000đ (năm triệu đồng) để thắp hương hằng ngày trong 49 ngày, còn 5.000.000đ (năm triệu đồng) Lê Mỹ H chi đến 49 ngày đón thầy lên làm lễ cúng. Hiện nay số tiền đã chi hết.

Ngoài ra bà Mai Thúy N trực tiếp chi cúng 49 ngày thu 9.000.000đ, chi 13.800.000đ, trong đó chi tiền đặt cơm 10 mâm hết 10.000.000đ, mua lễ 3.800.000đ, tổng chi 13.800.000đ, còn thiếu 4.800.000đ tiền riêng của bà N; chi cúng 100 ngày mổ 01 con lợn 25kg, 03 con gà, 05kg gạo nếp, đón thầy về làm lễ 550.000đ, mua thức ăn 06 mâm cơm 4.480.000đ. Tổng cộng 9.830.000đ, bà N yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/8/2020 đã xác định: 01 nhà xây cấp IV diện tích xây dựng 88,9m², trong đó phần xây dựng ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vi phạm hành lang giao thông giáp quốc lộ 34 là 5,04m²; phần diện tích nhà xây dựng trên đất liền thổ 5,04m x 5,84m = 29,43m²; phần diện tích nhà xây dựng đất dốc là 5,04m x 10,8m = 54,43m²; phần móng nhà xây dựng phía sau (nằm trong đoạn đất dốc 10,8m), móng trụ bê tông cốt thép bằng 06 cột, chiều cao cột là 5,7m, kích thước cột (20cm x 30cm), giằng móng đổ bê tông cốt thép, tường xây gạch chỉ, dày 220mm, mái lợp tôn, trần tôn, cửa khung nhôm kính, phía ngoài bao cửa xếp sắt màu xanh; phần diện tích đất:

Vị trí số 1: Đường quốc lộ 34 hướng Hà Giang - Cao Bằng rộng 10,5 mét, chia tim đường là 5,25 mét làm mốc, kéo đến phần diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; phần diện tích thuộc đất hành lang công và hành lang đường giao thông đường bộ do nhà nước quản lý là 6,6m².

Vị trí số 2: Vị trí từ chỉ giới quy hoạch giao thông kéo vào đến chỉ giới hành lang bảo vệ kè chiều dài là 17,15m và 3m chỉ giới hành lang bảo vệ kè.

Phía Đông giáp: Đất ở đô thị bà Phạm Thị S chiều dài thửa đất là 21m,

trong đó có 1,1m nằm trong hành lang quy hoạch giao thông, 3,04m nằm trong chỉ giới hành lang bảo vệ kè.

Phía Tây giáp: Đất ở đô thị bà Phạm Thị S chiều dài thửa đất là 21,25m, trong đó có 1,2m nằm trong hành lang quy hoạch giao thông, 3,04m nằm trong chỉ giới hành lang bảo vệ kè.

Phía Nam giáp: Sông Gâm, chiều rộng 4,69m.

Phía Bắc giáp: Đường quốc lộ 34 đi hướng Hà Giang - Cao Bằng chiều rộng là 5,3m.

Ngôi nhà nằm trên thửa đất số 20, tờ bản đồ số 245, diện tích thực tế là 106,1m², các cạnh tiếp giáp phía Đông giáp: Đất ở đô thị của bà Phạm Thị S chiều dài là 21m, trong đó có 1,1m nằm trong hành lang quy hoạch giao thông, 3,04m nằm trong chỉ giới hành lang bảo vệ kè; phía Tây giáp: Đất ở đô thị của bà Phạm Thị S chiều dài thửa đất là 21,25m, trong đó có 1,2m nằm trong hành lang quy hoạch giao thông, 3,04m nằm trong chỉ giới hành lang bảo vệ kè; phía Nam giáp: Sông Gâm chiều rộng 4,69m; phía Bắc giáp: Đường quốc lộ 34 đi hướng Hà Giang - Cao Bằng chiều rộng là 5,3m (có trích lục thửa đất và bản ảnh kèm theo).

Tại biên bản định giá tài sản ngày 28/8/2020 xác định: 01 Máy điều hòa nhiệt độ hai chiều màu trắng, mua năm 2008, nhãn hiệu LG công suất 9.000BTU, đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ; 01 Bình nóng lạnh, mua năm 2016 loại PICENZA loại 30 lít, giá trị là 600.000đ; 01 tủ lạnh đứng nhãn hiệu LG, loại 130 lít mua năm 2002, đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ; 01 Bếp ga mua năm 2008 màu đen, nhãn hiệu TOKYO-JAPAN, đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ; 01 bộ bàn ghế gỗ xoan mua năm 2016, giá trị là 1.750.000đ; 01 máy lọc nước TÂNÁ mua năm 2017, sản xuất lắp ráp tại Việt Nam, giá trị 800.000đ. Những tài sản không có trong nhà: 01 Ti vi SONY mua năm 2016 màu đen, màn hình phẳng 42 Inch, giá trị 2.000.000đ; 01 Máy phát điện mua năm 2009 màu xanh, đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ; 01 máy giặt VQUA, 08kg mua năm 2017, giá trị 1.600.000đ. Đối với thửa đất số 20, tờ bản đồ số 245 có diện tích đất là 106,2m² địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang do UBND huyện B cấp ngày 29/12/2013 mang tên Lê Công L và bà Dương Thị Thu H giá trị đất là 112.000.000đ; giá trị ngôi nhà cấp IV là 157.000.000đ. Tổng giá trị tài sản 275.750.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngày 28/8/2020 Tòa án đã tạm giao cho bà Mai Thúy N tạm thời quản lý, sử dụng, không được tự ý dịch chuyển tài sản ra khỏi nhà hoặc mua bán, chuyển nhượng, thế chấp dưới bất kỳ hình thức nào, khi không được cơ quan có thẩm quyền cho phép, trong thời gian chờ Tòa án giải quyết vụ án cho đến khi bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật thi hành.

Chi phí tố tụng: xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Tại công văn số 120 ngày 12/6/2020 Ngân hàng NN&PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Giang cung cấp sau ngày 21/02/2019 tài khoản của ông Lê Công L số tài khoản 8210215022792 số tiền là 27.000.000đ (hai mươi bảy triệu

đồng) hiện tại số tiền đã rút hết 0đ (không đồng).

- Biên bản xác minh ngày 05/10/2020 tại Bảo hiểm xã hội huyện B, cung cấp ông Lê Công L, sinh năm 1962; nơi công tác: Điện lực huyện B, tỉnh Hà Giang đóng BHXH từ tháng 7/1997 đến tháng 02/2019 số BHXH 1000001339, bị tai nạn chết ngày 21/02/2019. BHXH huyện B đã hướng dẫn các thân nhân của ông Lê Công L lập hồ sơ làm căn cứ giải quyết chế độ tử tuất cho thân nhân người lao động. Nhưng các thân nhân của ông Lê Công L chưa thống nhất lập hồ sơ để giải quyết chế độ tử tuất, cơ quan BHXH không thanh toán được chế độ theo quy định của pháp luật. Hiện nay BHXH huyện B, tỉnh Hà Giang chưa thanh toán chế độ, khoản tiền gì đối với thân nhân ông Lê Công L. Như trợ cấp mai táng phí, chế độ tử tuất cho thân nhân ông Lê Công L.

- Biên bản xác minh ngày 07/10/2020 nơi đăng ký hộ khẩu thường trú xã Y, huyện B và chỗ ở hiện tại thị trấn Y, huyện B bà Mai Thúy N không có mặt tại địa phương, nhà đóng cửa từ cuối tháng 9/2020 đi làm gì, ở đâu không khai báo tạm trú tạm vắng nên Công an xã và Công an thị trấn không biết địa chỉ. Cho nên Tòa án không ghi được lời khai bổ sung; không tiến hành tiếp cận công khai, chứng cứ và hòa giải được, gây khó khăn công tác thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, nên phải niêm yết văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Biên bản làm việc ngày 11/12/2020 tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B, tỉnh Hà Giang cung cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 cho ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H tại thửa đất số 20; tờ bản đồ số 245; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang. Tra cứu sổ tiếp nhận hồ sơ đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất từ năm 2017 đến khi ông Lê Công L chết ngày 21/02/2019 đến nay thì thửa đất hiện nay bà Mai Thúy N đang quản lý và đất không đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất.

Biên bản xác minh ngày 11/12/2020 tại gia đình ông Triệu Quốc C ở thôn Đ, xã Y, huyện B xác nhận bà Mai Thúy N khai có sửa 01 Ti vi SONY màu đen, màn hình phẳng 42 Inch là không có. Vì gia đình từ năm 2010 đến nay không sửa chữa ti vi và không nhận ti vi nào của bà N.

Biên bản xác minh ngày 11/12/2020 tại gia đình bà Đặng Thị K tổ 1 Thôn P, thị trấn Y, huyện B xác nhận khoảng tháng 8/2020 có mua 01 máy phát điện của bà Mai Thúy N giá 1.000.000đ (một triệu đồng) không làm giấy tờ (có bản ảnh kèm theo).

Biên bản xác minh ngày 18/12/2020 tại cửa hàng điện tử bà Lê Thị N tổ 2 thị trấn Y, huyện B cung cấp tra sổ bán hàng ngày 31/5/2017 ông Lê Công L mua 01 máy giặt loại 08 kg giá trị 4.800.000đ và 01 máy lọc nước TÂNÁ, thời điểm ông L mua chưa trả tiền máy giặt ghi sổ nợ, máy lọc nước trả bằng tiền mặt không ghi sổ (có bản ảnh kèm theo).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Quan điểm về chia tài sản chung giá trị tài sản nhà và đất giá trị 269.000.000đ và thiết bị trong

nhà giá trị 7.750.000đ, bà H ly hôn tháng 6/2017 với ông L, sau đó ông L kết hôn với bà N, bà N về chung sống; vì vậy bà N được hưởng một phần công quản lý duy trì khối tài sản chung gần 04 tháng. Giá trị tài sản còn lại được chia bằng nhau theo quy định tại điều 33, điều 59 Luật hôn nhân và gia đình. Do tài sản chung là nhà cấp IV được xây dựng trên diện tích đất 106,2m² không thể chia bằng hiện vật được; vì vậy đề nghị Tòa án quyết định giao quyền sở hữu nhà và quyền quản lý sử dụng đất cho bà Dương Thị Thu H, bà H có trách nhiệm thanh toán giá trị tiền chênh lệch theo quy định của pháp luật, hơn nữa bà H có trách nhiệm đang nuôi con chưa thành niên và nhà nước cấp quyền quản lý sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 906026 do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 mang tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H.

Quan điểm chia thừa kế sau khi xác định được tài sản thuộc quyền sở hữu của ông L, vì ông L chết không để lại di chúc nên giá trị tài sản của ông L trở thành di sản thừa kế theo pháp luật quy định tại chương XXIII tại các điều 649, 650, 651 và điều 654,655 Bộ luật dân sự, ông L chết xác định hàng thừa kế thứ nhất bà Mai Thúy N vợ hợp pháp; các con Lê Mỹ H, sinh năm 1987; Lê Việt H, sinh năm 2002; Lê Thị Hương L, sinh năm 2010 giá trị của ông L chia thành 04 suất bằng nhau.

Việc các đồng thừa kế không tự thỏa thuận được do đó đề nghị Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang quyết định theo quy định của pháp luật. Sau khi có quyết định yêu cầu bà Mai Thúy N giao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H và sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định của pháp luật; Tuy nhiên, trong hồ sơ không có sự thống nhất quan hệ pháp luật tranh chấp Thông báo thụ lý vụ án ghi là “*tranh chấp chia thừa kế*”, nhưng quyết định định giá tài sản ghi “*chia di sản thừa kế*”...; về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu Tòa án đã chuyển giao hồ sơ chậm 01 ngày làm việc.

Người tham gia tố tụng: Đối với bị đơn bà N về cơ bản thực hiện đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, từ ngày 01/10/2020 bị đơn bà N không có mặt tại địa phương, đi đâu, ở đâu không báo cho chính quyền và Tòa án biết, đã gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án; Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Mỹ H được tông đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, triệu tập nhiều lần nhưng không có văn bản ý kiến hay đến làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án gây ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Kiểm sát viên tóm tắt nội dung vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 4, Điều 26, 28, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 115, 166, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 59, Điều 66

Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 166, Điều 167 của Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị Thu H về việc chia di sản thừa kế, chia tài sản chung, trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả sổ bảo hiểm.

- Xử giao cho bà Dương Thị Thu H được quyền quản lý, sử dụng toàn bộ tài sản tổng trị giá là 276.750.000đ: 01 thửa đất và tài sản gắn liền với đất là ngôi nhà xây cấp IV tại thửa đất số 20, tờ bản đồ số 245, diện tích đất 106,2m², mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 906026 do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 cho ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H.

Thiết bị trong nhà gồm: 01 máy điều hòa nhiệt độ hai chiều màu trắng mua năm 2008, nhãn hiệu LG công suất 9.000BTU; 01 Bình nóng lạnh mua năm 2016, nhãn hiệu PICENZA, loại 30 lít; 01 Tủ lạnh đứng nhãn hiệu LG, loại 130 lít mua năm 2002; 01 Bếp ga mua năm 2008 màu đen, nhãn hiệu TOKYO-JAPAN; 01 bộ bàn ghế gỗ soan mua năm 2016; 01 Máy lọc nước TÂNÁ mua năm 2017. Đối với 01 Ti vi SONY mua năm 2016 màu đen, màn hình phẳng 42Inch; 01 máy giặt VQUA, 08kg bà N đã dịch chuyển ra khỏi nhà.

Bà Dương Thị Thu H có trách nhiệm hoàn trả lại kỷ phần đồng thừa kế của ông Lê Công L số tiền là 138.375.000đ; trong đó: Trả cho Bà Mai Thúy N số tiền 34.593.750đ trừ 1.000.000đ máy phát điện bà N bán, số còn lại 33.593.750đ; chị Lê Mỹ H số tiền 34.593.750đ; anh Lê Việt H số tiền 34.593.750đ; cháu Lê Thị Hương L số tiền 34.593.750đ.

Số tiền trong tài khoản 8210215022792 tại ngân hàng Nông nghiệp & phát triển nông thôn chi nhánh huyện B của ông Lê Công L 27.000.000đ (hiện bà N đã rút hết); trong đó: Bà N được hưởng $\frac{1}{2}$ là 13.500.000đ và một kỷ phần thừa kế của ông L là 3.375.000đ; Bà Mai Thúy N có trách nhiệm hoàn trả lại kỷ phần đồng thừa kế của ông Lê Công L cho: Chị Lê Mỹ H số tiền 3.375.000đ; anh Lê Việt H số tiền 3.375.000đ; cháu Lê Thị Hương L số tiền 3.375.000đ.

Buộc bà Mai Thúy N phải trả lại bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY906026 do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 mang tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H và trả lại sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L số 1000001339 cho bà Dương Thị Thu H đại diện cháu Lê Việt H và Lê Thị Hương L.

Về chi phí tố tụng: Đề nghị công nhận sự tự nguyện của bà H tự nguyện chịu tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản cho chị H, anh H, cháu L. Đối với bà N chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo kỷ phần được hưởng.

Về án phí: Bà Dương Thị Thu H; bà Mai Thúy N; chị Lê Mỹ H; anh Lê Việt H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ngoài ra anh Lê Việt H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu độc lập đòi sổ BHXH; cháu Lê

Thị Hương L được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] *Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp*: Nguyên đơn bà Dương Thị Thu H khởi kiện bị đơn bà Mai Thúy N, bà H với bà N có nơi cư trú tại huyện B, quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và giải quyết yêu cầu chia di sản thừa kế, chia tài sản chung, trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả sổ BHXH quy định điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 105, Điều 115 Bộ luật dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Giang.

[2] *Về quan hệ huyết thống, hàng thừa kế*: Căn cứ vào lời trình bày thống nhất của các đương sự và qua các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở kết luận ông Lê Công L khi sinh thời lấy 03 vợ: Vợ thứ nhất bà Đỗ Thị H có 01 con Lê Mỹ H; vợ thứ hai bà Dương Thị Thu H có 02 con Lê Việt H và Lê Thị Hương L; vợ thứ ba bà Mai Thúy N không có con. Bố đẻ Lê Công L là Lê Công H (chết năm 1987) và mẹ đẻ Đặng Thị N (chết năm 2002). Ngoài ra không có con nuôi, con riêng nào khác. Hàng thừa kế thứ nhất của ông L gồm 04 người: Lê Mỹ H; Lê Việt H; Lê Thị Hương L và Mai Thúy N theo quy định tại Điều 651 Bộ luật dân sự.

[3] *Về di chúc*: Các đương sự trong vụ án không ai xuất trình tài liệu, chứng cứ gì về việc có di chúc của ông Lê Công L nên đủ cơ sở kết luận ông Lê Công L không để lại di chúc. Tài sản chung và di sản của ông L được chia theo pháp luật.

[4] *Về thời hiệu khởi kiện*: Ông Lê Công L chết ngày 21/02/2019, thời điểm mở thừa kế của ông Lê Công L là ngày 21/02/2019; ngày 25/6/2020 bà Dương Thị Thu H làm đơn khởi kiện và đơn khởi kiện bổ sung Lê Việt H Chia di sản thừa kế, chia tài sản chung, trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả sổ BHXH và nộp tại Tòa án nhân dân huyện B. Như vậy, thời hiệu khởi kiện trong thời hạn quy định tại Điều 623 Bộ luật dân sự.

[5] *Về tài sản chung và di sản thừa kế ông L với bà Hương*: Căn cứ vào giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang; tài sản trên đất 01 ngôi nhà xây cấp IV làm năm 2013, không có giấy phép xây dựng và tài sản trong nhà theo định giá tài sản giá trị 275.750.000đ. Tuy nhiên, định giá tài sản thiếu 01 máy phát điện bà N khai bán sắt vụn được 100.000đ không biết người mua họ tên địa chỉ ở đâu, nhưng trong quá trình thu thập chứng cứ xác định được người mua bà Đặng Thị K và tại phiên tòa bà N thừa nhận đã bán 01 máy phát điện giá trị 1.000.000đ. Xác định khối tài sản của ông L và bà H đã ly hôn nhưng chưa phân chia tài sản.

Như vậy, có cơ sở khẳng định tài sản chung của ông L và bà H tổng giá trị

276.750.000đ; bà H được hưởng 1/2 khối tài sản chung là 138.375.000đ quy định Điều 59, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình, hiện nay bà H một mình đang nuôi con nhỏ, không có chỗ ở ổn định phải đi thuê nhà từ năm 2017 đến nay, nên cần giao toàn bộ tài sản cho bà H quản lý sử dụng để đảm bảo cuộc sống gia đình là phù hợp; phần di sản của ông L hưởng 1/2 khối tài sản chung là 138.375.000đ chia cho đồng thừa kế quy định Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651, Điều 660 của Bộ luật dân sự.

[6] *Tài sản chung và di sản thừa kế ông L với bà N*: Trong số tài khoản 8210215022792 tại Ngân hàng NT&PTNT chi nhánh huyện B, tỉnh Hà Giang là tiền lương của ông L 27.000.000đ tại thời điểm ông L chết.

Như vậy, có cơ sở khẳng định tài sản chung của ông L và bà N tổng số tiền 27.000.000đ, bà N được hưởng 1/2 khối tài sản chung là 13.500.000đ quy định Điều 59, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình; phần di sản thừa kế của ông L để lại là 13.500.000đ chia cho đồng thừa kế quy định Điều 610, Điều 612, Điều 613, Điều 614, Điều 649, Điều 650, Điều 651 của Bộ luật dân sự.

[7] *Về công sức đóng góp tôn tạo làm tăng giá trị tài sản*: Hiện nay bà Mai Thúy N thừa nhận khi lấy ông Lê Công L về ở nhà của ông L không có tôn tạo gì; đối với 01 máy giặt VQUA, 08kg, mua từ tháng 10/2017 và 01 máy lọc nước TÂNÁ mua tháng 10/2017 là tài chung của ông L là không có cơ sở. Vì thứ nhất tháng 6/2017 ông L ly hôn với bà H, thứ hai bà N đăng ký kết hôn với ông L tháng 11/2018 đến tháng 02/2019 ông L chết, thứ ba qua xác minh cửa hàng bà Lê Thị N bán hàng tổ 2 thị trấn Y cung cấp ông L mua 01 máy giặt và 01 máy lọc nước TÂNÁ ngày 31/5/2017.

Như vậy, khẳng định bà N chung sống với ông L được 03 tháng 06 ngày, nên không có đủ cơ sở chấp nhận là máy giặt và máy lọc nước trên là tài sản chung của ông L với bà N.

[8] Từ những phân tích trên có cơ sở khẳng định phần di sản của ông Lê Công L khi chết để lại di sản chia thừa kế tổng số tiền 151.875.000đ, để chia di sản thừa kế theo quy định của pháp luật.

[9] *Về bản giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và sổ bảo hiểm xã hội*: Hiện nay bà Mai Thúy N đang lưu giữ bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Lê Công L và bà Dương Thị Thu H, tài sản giao cho bà H quản lý sử dụng nên buộc bà N trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà H là phù hợp. Đối với sổ BHXH của ông Lê Công L theo quy định Luật bảo hiểm xã hội thì bà Mai Thúy N là người được hưởng trợ cấp mai táng phí, các con của ông L được hưởng chế độ tuất hàng tháng hoặc chế độ tuất một lần (*Hồ sơ đề nghị sổ bảo hiểm xã hội; bản sao giấy chứng tử; tờ khai của nhân thân; biên bản họp của các nhân thân đối với trường hợp đủ điều kiện hưởng trợ cấp tuất một lần...*) các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện ngày 28/5/2020 Bảo hiểm xã hội huyện Bắc Mê đã lập biên bản làm việc với nhân thân ông L, tuy nhiên chưa giải quyết được do nội bộ thành viên trong gia đình không thống nhất được, bà N đề nghị giải quyết chế độ tuất một lần và chia 4 phần (*03 con của ông L và bà N*), bà N yêu cầu chia 01 phần chế độ tuất 01 lần cho bà thì bà mới đồng ý trao sổ là

không đúng theo quy định của Luật BHXH (bởi bà N chỉ được hưởng chế độ mai táng phí). Xét thấy việc bà N đưa ra yêu cầu là không đúng quy định của pháp luật, việc không phối hợp, kéo dài, gây khó khăn đã ảnh hưởng tới quyền, lợi ích hợp pháp của các cháu chưa thành niên. Đề bảo vệ được quyền, lợi ích hợp pháp cho các cháu Lê Việt H, sinh ngày 02/01/2002 và Lê Thị Hương L sinh ngày 12/9/2010. Vì vậy, cần buộc bà N trả số bảo hiểm xã hội cho bà H (đại diện cho cháu L, H) để lập hồ sơ nộp cho cơ quan BHXH chi trả các chế độ theo quy định của pháp luật.

[10] *Về tiền chi phí đám ma cho người để lại di sản*: Các đương sự thống nhất chi phí đám tang ngày 21/02/2019, tổng thu tiền phúng viếng 79.000.000đ, tổng chi phí mai táng các khoản là 69.000.000đ; còn thừa 10.000.000đ, bà Mai Thúy N là 5.000.000đ chi thấp hương trong 49 ngày, còn 5.000.000đ Lê Mỹ H đến 49 ngày của ông Lê Công L đón thầy lên cúng; số tiền đã chi tiêu hết; *Về cúng lễ sau đám tang cho người để lại di sản*: Bà Mai Thúy N trực tiếp chi cúng 49 ngày sau khi trừ tiền thu còn thiếu 4.800.000đ, chi cúng 100 ngày đón thầy làm lễ 550.000đ và mua thức ăn 06 mâm cơm 4.480.000đ. Tổng cộng 9.830.000đ bà N yêu cầu các đồng thừa kế thanh toán.

Theo quy định tại tiểu mục 2.2 Phần II Nghị quyết 03/2006/NQ-HĐTP ngày 08/7/2006 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định như sau: “*Chi phí hợp lý cho việc mai táng bao gồm: các khoản tiền mua quan tài, các vật dụng cần thiết cho việc khâm liệm, khăn tang, hương, nến, hoa, thuê xe tang và các khoản chi khác phục vụ cho việc chôn cất hoặc hỏa táng nạn nhân theo thông lệ chung. Không chấp nhận yêu cầu bồi thường chi phí cúng tế, lễ bái, ăn uống, xây mộ, bốc mộ...*”.

Như vậy, theo quy định viện dẫn trên, bà Mai Thúy N yêu cầu thanh toán khoản tiền cúng tế, lễ ăn uống 49 ngày và 100 ngày không được chấp nhận.

[11] *Chi phí tố tụng*: Các đương sự chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản theo kỷ phần được hưởng bà H chịu 1.400.000đ và công nhận sự tự nguyện bà H chịu tiền định giá tài sản cho chị H, anh H và cháu L (đã nộp xong); bà Mai Thúy N phải chịu 350.000đ để hoàn trả cho bà Dương Thị Thu H.

[12] *Về án phí*: Bà Dương Thị Thu H; bà Mai Thúy N; chị Lê Mỹ H; anh Lê Việt H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, ngoài ra anh Lê Việt H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu độc lập đòi số BHXH của ông L; cháu Lê Thị Hương L được miễn nộp tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Vì lý lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 5 Điều 26, 35, 39, 144, 147, 157, 158, 165 và Điều 166 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 105, 115, 166, 610, 611, 612, 613, 614, 623, 649, 650, 651 và Điều 660 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 59, Điều 66 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 166, 167 và Điều 179 của Luật đất đai năm 2013; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 26, khoản 7 Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị Thu H và anh Lê Việt H về việc Chia di sản thừa kế, chia tài sản chung, yêu cầu trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và trả lại sổ Bảo hiểm xã hội.

- Giao cho bà Dương Thị Thu H được quyền quản lý, sử dụng nhà và đất tài sản gồm: 01 ngôi nhà xây cấp IV giá trị 157.000.000đ trên diện tích đất thửa đất số 20, tờ bản đồ số 245, diện tích 106,2m²; mục đích sử dụng: Đất ở đô thị; thời hạn sử dụng: Lâu dài; địa chỉ: Thôn P, thị trấn Y, huyện B, tỉnh Hà Giang theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 906026 được UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013, mang tên ông Lê Công L, sinh năm 1962 và bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1978, giá trị 112.000.000đ. Có tứ cận tiếp giáp.

Phía Đông và phía tây giáp: đất ở đô thị của bà Phạm Thị S.

Phía Nam giáp: Sông Gâm.

Phía Bắc giáp: Đường quốc lộ 34 đi hướng Hà Giang - Cao Bằng.

(có trích lục sơ đồ thửa đất kèm theo).

01 Máy điều hòa nhiệt độ hai chiều màu trắng, mua năm 2008, nhãn hiệu LG công suất 9.000BTU đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ (không đồng); 01 Bình nóng lạnh, mua năm 2016 loại PICENZA loại 30 lít giá trị 600.000đ; 01 Tủ lạnh đứng nhãn hiệu LG, loại 130 lít mua năm 2002 đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ (không đồng); 01 Bếp ga mua năm 2008 màu đen, nhãn hiệu TOKYO-JAPAN đã hết khấu hao giá trị bằng 0đ (không đồng); 01 bộ bàn ghế gỗ xoan mua năm 2016 giá trị 1.750.000đ; 01 máy lọc nước TÂNÁ mua năm 2017 sản xuất lắp ráp tại Việt Nam, giá trị 800.000đ; 01 Ti vi SONY mua năm 2016 màu đen, màn hình phẳng 42 Inch giá trị 2.000.000đ; 01 máy giặt VQUA, 08kg mua năm 2017 giá trị 1.600.000đ. Tổng cộng là 275.750.000đ (hai trăm bảy mươi lăm triệu bảy trăm năm mươi nghìn đồng).

2. Phân giá trị tài sản chung và di sản thừa kế:

a. Ông Lê Công L với bà Dương Thị Thu H tổng tài sản giá trị là 276.750.000đ; phần bà H được hưởng tài sản chung là 138.375.000đ; phần di sản thừa kế của ông Lê Công L là 138.375.000đ (một trăm ba mươi tám triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng). Bà Dương Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán trả cho đồng thừa kế của ông Lê Công L, trả cho:

- Bà Mai Thúy N số tiền 34.593.750đ trừ số tiền bà N bán máy phát điện 1.000.000đ, còn lại 33.593.750đ (ba mươi ba triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Chị Lê Mỹ H số tiền 34.593.750đ (ba mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Anh Lê Việt H số tiền 34.593.750đ (ba mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

- Cháu Lê Thị Hương L số tiền 34.593.750đ (ba mươi tư triệu năm trăm chín mươi ba nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

b. Ông Lê Công L với bà Mai Thúy N số tài khoản 8210215022792 tại Ngân hàng nông nghiệp & phát triển nông thôn chi nhánh huyện B tiền lương của ông L, bà N đã rút hết 27.000.000đ; phần bà N được hưởng là 13.500.000đ; phần di sản thừa kế của ông Lê Công L 13.500.000đ (mười ba triệu năm trăm nghìn đồng). Bà Mai Thúy N được hưởng 01 suất thừa kế 3.375.000đ còn phải thanh toán cho đồng thừa kế của ông Lê Công L, trả cho:

Chị Lê Mỹ H số tiền 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Anh Lê Việt H số tiền 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Cháu Lê Thị Hương L số tiền 3.375.000đ (ba triệu ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

3. Chi phí tố tụng: Tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tổng số tiền 2.800.000đ (hai triệu tám trăm nghìn đồng).

- Bà Dương Thị Thu H chịu 1.400.000đ và công nhận tự nguyện bà H chịu tiền định giá cho chị Lê Mỹ H; anh Lê Việt H và cháu Lê Thị Hương L 1.050.000đ (đã nộp xong).

- Bà Mai Thúy N chịu tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản 350.000đ (ba trăm năm mươi nghìn đồng) hoàn trả cho bà Dương Thị Thu H nộp chi phí trước.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Buộc bà Mai Thúy N có trách nhiệm trả giấy tờ sau:

- Trả cho bà Dương Thị Thu H 01 bản gốc giấy tờ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 906026 do UBND huyện B, tỉnh Hà Giang cấp ngày 29/12/2013 mang tên ông Lê Công L, sinh năm 1962 và bà Dương Thị Thu H, sinh năm 1978.

- Trả lại cho anh Lê Việt H 01 bản gốc sổ bảo hiểm xã hội của ông Lê Công L số sổ 1000001339 để hoàn tất hồ sơ cho Cơ quan Bảo hiểm xã hội chi trả chế độ tuất cho Lê Việt H và Lê Thị Hương L theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí:

- Bà Dương Thị Thu H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 6.918.750đ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.250.000đ đã nộp theo biên lai thu số 07138 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Hà Giang, còn phải nộp thêm là 5.668.750đ (năm triệu sáu trăm sáu mươi tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

Bà Mai Thúy N chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 2.573.437đ (hai triệu năm trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Chị Lê Mỹ H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.898.437đ (một triệu tám trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Anh Lê Việt H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.898.437đ và

án phí dân sự sơ thẩm 300.000đ, tổng cộng 2.198.437đ (hai triệu một trăm chín mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi bảy đồng).

Cháu Lê Thị Hương L được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND huyện B;
- Các đương sự;
- Chi cục THA dân sự huyện B;
- UBND thị trấn Y;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Dương Văn Công